TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2026/HNGĐ-ST
Ngày 24-07-2026
"Về việc: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Dương Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Tuyến, nghề nghiệp: Nguyên là giáo viên, Trưởng ban MTTQ Thôn Phước An 3, xã Krông Pắc.
2. Bà Trần Thị Thúy Vi, nghề nghiệp: Cán bộ Trạm y tế xã Krông Pắc
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trần Duy Quyền - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 206/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 06 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 07 năm 2026, giữa:
- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn C, xã Ea K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)
CCCD số: 066174000540 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ công an cấp ngày 13/04/2021
- Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn C, xã Ea K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
CCCD số: 066078003957 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ công an cấp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*
- Về quan hệ hôn nhân: Tôi với anh Trần Văn Q kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, và đăng ký kết hôn tại UBND xã Krông B, huyện Krông P, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Ea K, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 05/07/2006, theo giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số 01.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến đầu tháng 11/2024 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, càng ngày chúng tôi không có tiếng nói chung. Nguyên nhân nhân mâu thuẫn là do anh Q thường xuyên nhậu nhẹt, rượu chè, say sỉn về nhà là chửi bới xúc phạm tôi, đánh đập tôi, tôi đã nhiều lần trình báo với Ban tự quản thôn và hội phụ nữ thôn để nhờ can thiệp. Hiện nay cả hai chúng tôi đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Xét mục đích hôn nhân của chúng tôi không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Nên tôi đã làm đơn khởi kiện xin được ly hôn với anh Trần Văn Q. Nguyện vọng của tôi đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho tôi với anh Trần Văn Q được ly hôn.

- *Về con chung:* Giữa chúng tôi có 01 con chung là cháu Trần Văn H, sinh ngày 22/11/2007. Hiện cháu đã trên 18 tuổi, có cuộc sống riêng và tự quyết định cuộc sống của cháu nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng:* Do con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Chúng tôi không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Chúng tôi không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

**** Đối với bị đơn anh Trần Văn Q:*** Anh Trần Văn Q đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh nhưng anh Q không đến làm việc, không cung cấp lời khai. Vì vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Trần Văn Q.

Quá trình làm việc, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Trần Văn Q. Do đó, căn cứ Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Đối với bị đơn quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tại phiên tòa đều vắng mặt là vi phạm quy định tại các Điều 70, Điều 72 và khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn Q.

+ Về con chung: Chị Nguyễn Thị T xác định chị với anh Trần Văn Q có 01 con chung là cháu Trần Văn H, sinh ngày 22/11/2007. Hiện cháu đã trên 18

tuổi, có cuộc sống riêng và tự quyết định cuộc sống của cháu nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đề cập để xem xét.

+ Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị T xác định con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng. Vì vậy không đề cập để xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T xác định chị với anh Trần Văn Q không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đề cập để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền:* Căn cứ vào đơn khởi kiện thì bị đơn anh Trần Văn Q có nơi cư trú tại xã Ea K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T thì xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:* Tại phiên toà lần thứ nhất, bị đơn anh Trần Văn Q vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên toà và tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa thông báo cho các đương sự mở lại phiên tòa lần hai. Tuy nhiên tại phiên toà, bị đơn anh Trần Văn Q vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung khởi kiện: Chị Nguyễn Thị T làm đơn xin được ly hôn với anh Trần Văn Q. Hội đồng xét xử thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Qua các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp kèm theo đơn khởi kiện và việc thu thập chứng cứ của Tòa án có trong hồ sơ thể hiện: Chị Nguyễn Thị T với anh Trần Văn Q kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã Krông B, huyện Krông P, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Ea K, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 05/07/2006, theo giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số 01. Vì vậy, xác định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn Q là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Quá trình làm việc tại Tòa án thì chị Nguyễn Thị T khai nhận "đầu tháng 11/2024 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, càng ngày chúng tôi không có tiếng nói chung. Nguyên nhân nhân mâu thuẫn là do anh Q thường xuyên nhậu nhẹt, rượu chè, say sỉn về nhà là chửi bới xúc phạm và đánh đập chị...". Theo biên bản xác minh của Tòa án tại địa phương (BL 32) thể hiện "...Quá trình anh chị sinh sống ở địa phương, thì anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Q nhậu nhẹt say xỉn về hay bạo lực gia đình với chị Thủy. Ban tự quản thôn cũng đã nhiều lần can thiệp hòa giải cho anh chị nhưng anh Q vẫn không thay đổi..".

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ chung sống với nhau.

Như vậy, căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế giữa chị Nguyễn Thị T với anh Trần Văn Q, xét mâu thuẫn giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị T yêu cầu xin được ly hôn đối với anh Trần Văn Q là có căn cứ. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn Q.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, giữa anh chị có 01 con chung là cháu Trần Văn H, sinh ngày 22/11/2007. Hiện cháu đã trên 18 tuổi, có cuộc sống riêng và tự quyết định cuộc sống của cháu nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để xem xét.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T xác định con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T xác định chị với anh Trần Văn Q không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Con chung là cháu Trần Văn H, sinh ngày 22/11/2007. Hiện đã trên 18 tuổi, có cuộc sống riêng và tự quyết định cuộc sống của cháu nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét, không giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4. Về tài sản chung và về nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0004443 ngày 21 tháng 04 năm 2026.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 - Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Ea K, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh